BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 30 /2026/TT-BNV	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện chính sách lao động khi cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Căn cứ Nghị định số 57/2026/NĐ-CP của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 276/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách lao động khi cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chính sách lao động khi cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 21, điểm b khoản 1 Điều 43, khoản 1 Điều 44, khoản 1 Điều 50, khoản 2 Điều 53, khoản 3 Điều 66, khoản 2 Điều 75 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hóa, chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể.

2. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Người lao động của doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này được cử xuống làm đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác.

4. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cấp II.

5. Cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Chia phần còn lại của số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi

Chia phần còn lại của số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi đối với doanh nghiệp cổ phần hóa quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Đối tượng được chia phần còn lại của số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi bao gồm: người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên đang làm việc tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hóa hoặc thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

2. Thời gian làm việc để tính chia phần còn lại của số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi là tổng thời gian đối tượng được chia đã làm việc thực tế tại doanh nghiệp cổ phần hóa hoặc doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và được xác định như sau:

a) Tổng thời gian làm việc thực tế tính từ thời điểm tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp; bao gồm cả thời gian mà đối tượng được chia đã làm việc tại doanh nghiệp trước khi hợp nhất, sáp nhập với doanh nghiệp cổ phần hóa, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc chia, tách thành doanh nghiệp cổ phần hóa, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (nếu có).

b) Thời gian làm việc để tính chia phần còn lại của số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi không bao gồm thời gian tạm hoãn hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Lao động và thời gian nghỉ không hưởng lương theo quy định tại khoản 3 Điều 115 của Bộ luật Lao động từ 14 ngày liên tục trở lên.

c) Thời gian làm việc để tính chia phần còn lại của số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi được tính theo tháng; trường hợp có ngày lẻ dưới 14 ngày thì không tính, từ đủ 14 ngày trở lên được tính tròn bằng 01 tháng.

3. Phương án chia phần còn lại của số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi phải bảo đảm công khai, minh bạch trong doanh nghiệp và có sự tham gia của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (nếu có).

4. Thời điểm chia phần còn lại của số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi do doanh nghiệp cổ phần hóa, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên xác định nhưng phải bảo đảm

thực hiện xong trước thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần hoặc thời điểm công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

5. Doanh nghiệp cổ phần hóa, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên lập danh sách đối tượng được chia phần còn lại của số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước để tính mua cổ phần với giá ưu đãi

1. Thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước để tính mua cổ phần với giá ưu đãi đối với đối tượng quy định tại điểm a1 và điểm a2 khoản 1 Điều 43 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP bao gồm thời gian thực tế đã làm việc tại doanh nghiệp cổ phần hóa và thời gian thực tế đã làm việc ở khu vực nhà nước trước đó, được xác định như sau:

a) Thời gian thực tế đã làm việc (cộng dồn) tại doanh nghiệp cổ phần hóa tính từ thời điểm tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, bao gồm cả thời gian đã làm việc tại doanh nghiệp trước khi hợp nhất, sáp nhập với doanh nghiệp cổ phần hóa hoặc chia, tách thành doanh nghiệp cổ phần hóa (nếu có);

b) Thời gian thực tế đã làm việc (cộng dồn) ở khu vực nhà nước trước đó bao gồm: thời gian thực tế đã làm việc ở cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (kể cả thời gian người lao động thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân), doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ trước khi về làm việc tại doanh nghiệp cổ phần hóa hoặc trước khi về làm việc tại doanh nghiệp đã hợp nhất, sáp nhập với doanh nghiệp cổ phần hóa hoặc chia, tách thành doanh nghiệp cổ phần hóa (nếu có).

2. Thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước để tính mua cổ phần với giá ưu đãi đối với đối tượng quy định tại điểm a3 khoản 1 Điều 43 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP bao gồm thời gian thực tế đã làm việc tại doanh nghiệp cấp II và thời gian thực tế đã làm việc ở khu vực nhà nước trước đó, được xác định như sau:

a) Thời gian thực tế đã làm việc (cộng dồn) tại doanh nghiệp cấp II tính từ thời điểm tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp cấp II đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của doanh nghiệp cấp I, bao gồm cả thời gian đã làm việc tại doanh nghiệp trước khi hợp nhất, sáp nhập với doanh nghiệp cấp II hoặc chia, tách thành doanh nghiệp cấp II (nếu có);

b) Thời gian thực tế đã làm việc (cộng dồn) ở khu vực nhà nước trước đó bao gồm: thời gian thực tế đã làm việc ở cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (kể cả thời gian người lao động thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân), doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ trước khi về làm việc tại doanh nghiệp cấp II hoặc trước khi về làm việc tại doanh nghiệp đã hợp nhất, sáp nhập với doanh nghiệp cấp II hoặc chia, tách thành doanh nghiệp cấp II (nếu có).

3. Thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước để tính mua cổ phần với giá ưu đãi không bao gồm thời gian tạm hoãn hợp đồng lao động theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, h khoản 1 Điều 30 Bộ luật Lao động, thời gian nghỉ không hưởng lương theo quy định tại khoản 3 Điều 115 Bộ luật Lao động từ 14 ngày liên tục trở lên và thời gian thực tế làm việc đã được tính mua cổ phần với giá ưu đãi tại các doanh nghiệp khác.

4. Thời gian để tính mua cổ phần với giá ưu đãi được tính theo năm (đủ 12 tháng). Nếu thời gian để tính mua cổ phần với giá ưu đãi có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc dưới 06 tháng thì không tính, từ đủ 06 tháng trở lên tính tròn là 01 năm.

5. Doanh nghiệp cấp II lập danh sách đối tượng được mua cổ phần với giá ưu đãi quy định tại điểm a3 khoản 1 Điều 43 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và gửi doanh nghiệp cổ phần hóa tổng hợp.

6. Doanh nghiệp cổ phần hóa lập danh sách đối tượng được mua cổ phần với giá ưu đãi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Phương án sử dụng lao động

1. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hóa, chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách phải xây dựng phương án sử dụng lao động theo quy định tại Điều 44 Bộ luật Lao động. Quy trình xây dựng, phê duyệt phương án sử dụng lao động được thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án sử dụng lao động gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt phương án sử dụng lao động;

b) Dự thảo phương án sử dụng lao động bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Biên bản đối thoại tại nơi làm việc về phương án sử dụng lao động theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 41 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

d) Tài liệu chứng minh liên quan đến phương án sử dụng lao động (nếu có).

Điều 6. Chính sách đối với người lao động dôi dư

Chính sách đối với người lao động dôi dư quy định tại khoản 1 Điều 44, khoản 2 Điều 53, khoản 3 Điều 66 và khoản 2 Điều 75 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP được thực hiện theo Nghị định số 97/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách đối với người lao động khi thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 57/2026/NĐ-CP và Thông tư này trước và trong quá trình xây dựng phương án sử dụng lao động.

2. Xây dựng phương án sử dụng lao động theo quy định tại Thông tư này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu trong phương án sử dụng lao động khi trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định.

3. Doanh nghiệp hiện tại và doanh nghiệp kế tiếp có trách nhiệm thực hiện phương án sử dụng lao động đã được phê duyệt; thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người sử dụng lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Lao động.

4. Báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu về kết quả giải quyết chính sách đối với người lao động theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc giải quyết chế độ, chính sách đối với người lao động theo phương án sử dụng lao động đã được phê duyệt.

Điều 8. Trách nhiệm của người lao động

1. Phối hợp với doanh nghiệp trong quá trình xây dựng phương án sử dụng lao động; thực hiện quyền và nghĩa vụ của người lao động theo phương án sử dụng lao động đã được phê duyệt và quy định pháp luật lao động.

2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan theo yêu cầu của doanh nghiệp trong quá trình giải quyết chế độ, chính sách lao động theo quy định tại Thông tư này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, hồ sơ, tài liệu đã cung cấp.

3. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Lao động.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Chỉ đạo doanh nghiệp xây dựng phương án sử dụng lao động theo quy định tại Nghị định số 57/2026/NĐ-CP và Thông tư này.

2. Quyết định phê duyệt phương án sử dụng lao động và giải quyết chính sách lao động dôi dư; quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư theo quy định.

3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định tại Nghị định số 57/2026/NĐ-CP và Thông tư này.

4. Báo cáo Bộ Nội vụ về tình hình thực hiện chính sách lao động khi cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp định kỳ 06 tháng (trước ngày 10 tháng 7), hằng năm (trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề) theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Thông tư số 07/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng lao động và thực hiện chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với doanh nghiệp đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt phương án sử dụng lao động, phương án chia phần còn lại của số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và phương án mua cổ phần với giá ưu đãi trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án được phê duyệt.

4. Đối với doanh nghiệp đã xây dựng phương án sử dụng lao động, phương án chia phần còn lại của số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và phương án mua cổ phần với giá ưu đãi trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt thì căn cứ quy định tại Thông tư này để rà soát, điều chỉnh và trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân phản ánh về Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ; Cổng pháp luật Việt Nam; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, Cục TL&BHXH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Khương

Phụ lục I

QUY TRÌNH XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30 /2026/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

I. Đối với doanh nghiệp cổ phần hóa

1. Doanh nghiệp cổ phần hóa tiến hành rà soát, chốt danh sách lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, bao gồm: người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động; người lao động đang phải ngừng việc (được trả lương hoặc không được trả lương theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Lao động); người lao động đang nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản, chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định; người lao động đang nghỉ không hưởng lương theo quy định tại khoản 3 Điều 115 Bộ luật Lao động; người lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Lao động; người lao động của doanh nghiệp được cử làm đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Rà soát cơ cấu tổ chức, hệ thống định mức, các vị trí chức danh công việc trong từng tổ, đội, phân xưởng, phòng, ban và định hướng chiến lược phát triển doanh nghiệp sau khi thực hiện cổ phần hóa để tiến hành phân loại toàn bộ người lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp; dự kiến thời điểm người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, dự kiến thời điểm người lao động nghỉ hưu và lập các danh sách bao gồm:

a) Danh sách người lao động được tiếp tục sử dụng hoặc được đào tạo lại để tiếp tục sử dụng hoặc được chuyển sang làm việc không trọn thời gian ở doanh nghiệp sau khi chuyển thành công ty cổ phần theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh sách người lao động nghỉ hưu theo quy định pháp luật bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Danh sách người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Danh sách người lao động không thể bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động hoặc phải nghỉ việc (người lao động dôi dư) theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trên cơ sở các danh sách lao động theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 mục I Phụ lục này, doanh nghiệp tính toán chế độ, chính sách đối với người lao động và dự toán kinh phí theo quy định pháp luật lao động và quy định về chính sách lao động dôi dư theo quy định tại Nghị định số 97/2022/NĐ-CP.

4. Doanh nghiệp tổ chức đối thoại tại nơi làm việc về phương án sử dụng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

5. Doanh nghiệp hoàn thiện và gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án sử dụng lao động quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này theo hình thức trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến cơ quan đại diện chủ sở hữu.

6. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án sử dụng lao động đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm xem xét, quyết định phê duyệt phương án sử dụng lao động. Trường hợp không phê duyệt phương án sử dụng lao động, cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản trả lời doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

7. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa, doanh nghiệp xác định thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động, rà soát danh sách và chế độ, chính sách của từng người lao động; thông báo công khai cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phương án sử dụng lao động được phê duyệt.

8. Trường hợp có sự thay đổi so với phương án sử dụng lao động đã được phê duyệt, doanh nghiệp tính toán lại chế độ, chính sách của người lao động và trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt điều chỉnh.

II. Đối với doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên xây dựng phương án sử dụng lao động theo quy định tại Mục I Phụ lục này.

III. Đối với doanh nghiệp thực hiện hợp nhất, sáp nhập

1. Từng doanh nghiệp thực hiện hợp nhất, sáp nhập tiến hành rà soát và thực hiện các bước quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Mục I Phụ lục này. Thời điểm chốt danh sách lao động do các doanh nghiệp thực hiện hợp nhất, sáp nhập thống nhất quyết định nhưng phải bảo đảm trước thời điểm lập hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và đưa vào Đề án hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP.

2. Từng doanh nghiệp thực hiện hợp nhất, sáp nhập xây dựng phương án sử dụng lao động theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 5 Thông tư này, gửi doanh nghiệp được cơ quan đại diện chủ sở hữu giao chủ trì lập hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp để tổng hợp.

3. Doanh nghiệp chủ trì có trách nhiệm tổng hợp phương án sử dụng lao động của các doanh nghiệp thực hiện hợp nhất, sáp nhập quy định tại khoản 2 Mục này; hoàn thiện và gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án sử dụng lao động quy

định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này theo hình thức trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến cơ quan đại diện chủ sở hữu.

4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án sử dụng lao động đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm xem xét, quyết định phê duyệt phương án sử dụng lao động. Trường hợp không phê duyệt phương án sử dụng lao động, cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản trả lời doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

5. Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định hợp nhất, sáp nhập, từng doanh nghiệp thực hiện hợp nhất, sáp nhập xác định thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động, rà soát danh sách và chế độ, chính sách của từng người lao động; thông báo công khai cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phương án sử dụng lao động được phê duyệt.

6. Trường hợp có sự thay đổi so với phương án sử dụng lao động đã được phê duyệt, từng doanh nghiệp thực hiện hợp nhất, sáp nhập tính toán lại chế độ, chính sách của người lao động và gửi doanh nghiệp chủ trì tổng hợp, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt điều chỉnh.

IV. Đối với doanh nghiệp thực hiện chia, tách

1. Doanh nghiệp thực hiện chia, tách tiến hành rà soát và thực hiện các bước theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Mục I Phụ lục này. Thời điểm chốt danh sách lao động do doanh nghiệp thực hiện chia, tách quyết định nhưng phải bảo đảm trước thời điểm lập hồ sơ đề nghị chia, tách doanh nghiệp và đưa vào Đề án chia, tách doanh nghiệp theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 57/2026/NĐ-CP.

2. Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định chia, tách doanh nghiệp, doanh nghiệp xác định thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động, rà soát danh sách và chế độ, chính sách của từng người lao động; thông báo công khai cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phương án sử dụng lao động được phê duyệt.

3. Trường hợp có sự thay đổi so với phương án sử dụng lao động đã được phê duyệt, doanh nghiệp tính toán lại chế độ, chính sách của người lao động và trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt điều chỉnh./.

Phụ lục II

HỆ THỐNG BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2026/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

TT	Nội dung
Mẫu số 01	Danh sách đối tượng được chia phần còn lại của số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi
Mẫu số 02	Danh sách đối tượng được mua cổ phần với giá ưu đãi của doanh nghiệp *(Áp dụng đối với doanh nghiệp cấp II có đối tượng mua cổ phần với giá ưu đãi của doanh nghiệp cấp I thực hiện cổ phần hóa)*
Mẫu số 03	Danh sách đối tượng được mua cổ phần với giá ưu đãi *(Áp dụng cho doanh nghiệp cấp I thực hiện cổ phần hóa)*
Mẫu số 04	Danh sách lao động của doanh nghiệp
Mẫu số 05	Danh sách lao động được tiếp tục sử dụng
Mẫu số 06	Danh sách lao động nghỉ hưu
Mẫu số 07	Danh sách lao động chấm dứt hợp đồng lao động
Mẫu số 08	Danh sách lao động dôi dư
Mẫu số 09	Báo cáo kết quả giải quyết chính sách đối với người lao động
Mẫu số 10	Báo cáo tình hình thực hiện chính sách lao động khi cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Mẫu số 01

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU
TÊN DOANH NGHIỆP

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CHIA PHẦN CÒN LẠI CỦA SỐ DƯ BẰNG TIỀN QUỸ KHEN THƯỞNG, QUỸ PHÚC LỢI TẠI DOANH NGHIỆP
(Hình thức cơ cấu lại vốn nhà nước:……..(*))

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Số định danh cá nhân	Chức danh, công việc đang làm	Đơn vị *(phòng, ban, phân xưởng…)*	Thời điểm tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp	Tổng thời gian đã làm việc thực tế tại doanh nghiệp		Thời gian tạm hoãn HĐLĐ và nghỉ không lương từ 14 ngày liên tục trở lên		Thời gian làm việc để tính chia Quỹ phúc lợi, Quỹ khen thưởng *(tháng tính tròn)*	Ghi chú
		Nam	Nữ					Số tháng	Số ngày	Số tháng	Số ngày		
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I. NGƯỜI LAO ĐỘNG													
1.													
…													
II. NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP													
1.													
…													
III. KIỂM SOÁT VIÊN													
1.													
…													

Tổng số người theo danh sách: …… người.

Ngày …. tháng … năm …

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Ghi hình thức cổ phần hóa hoặc doanh nghiệp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Mẫu số 02

TÊN DOANH NGHIỆP CẤP I
TÊN DOANH NGHIỆP CẤP II

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MUA CỔ PHẦN VỚI GIÁ ƯU ĐÃI CỦA DOANH NGHIỆP (*)
(Áp dụng đối với doanh nghiệp cấp II có đối tượng mua cổ phần với giá ưu đãi của doanh nghiệp cấp I thực hiện cổ phần hóa tại thời điểm (**))

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Số định danh cá nhân	Thời điểm tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp cấp II	Làm việc tại doanh nghiệp					Làm việc tại khu vực nhà nước					Tổng thời gian để tính mua cổ phần với giá ưu đãi		Ghi chú
						Tổng thời gian đã làm việc tại doanh nghiệp cấp II		Thời gian tạm hoãn HĐLĐ và nghỉ không lương từ 14 ngày liên tục trở lên		Thời gian tính mua cổ phần với giá ưu đãi *(số tháng tính tròn)*	Tổng thời gian đã làm việc tại khu vực nhà nước		Thời gian đã đóng BHXH tại khu vực nhà nước		Thời gian tính mua cổ phần với giá ưu đãi *(số tháng tính tròn)*	Tổng số tháng (9+14)	Tổng số năm *(tính tròn)*	
		Nam	Nữ			Số tháng	Số ngày	Số tháng	Số ngày		Số tháng	Số ngày	Số tháng	Số ngày				
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I. NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP CẤP II																		
1.																		
…																		
II. NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP CẤP II																		
1.																		
…																		

Tổng số người theo danh sách: …… người.

Ngày .... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Ghi tên doanh nghiệp cấp I thực hiện cổ phần hóa.
- (**) Ghi tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Cột (9), (14): Ghi thời gian làm việc để mua cổ phần với giá ưu đãi theo số tháng tính tròn: tính đủ ngày làm việc bình thường trong tháng theo quy định của doanh nghiệp.

Mẫu số 03

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU
TÊN DOANH NGHIỆP

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MUA CỔ PHẦN VỚI GIÁ ƯU ĐÃI
(Áp dụng đối với doanh nghiệp cấp I thực hiện cổ phần hóa tại thời điểm (*))

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Số định danh cá nhân	Thời điểm tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp	Làm việc tại doanh nghiệp					Làm việc tại khu vực nhà nước					Tổng thời gian để tính mua cổ phần với giá ưu đãi		Ghi chú
						Tổng thời gian đã làm việc tại doanh nghiệp		Thời gian tạm hoãn HĐLĐ và nghỉ không lương từ 14 ngày liên tục trở lên		Thời gian tính mua cổ phần với giá ưu đãi *(số tháng tính tròn)*	Tổng thời gian đã làm việc tại khu vực nhà nước		Thời gian đã đóng BHXH tại khu vực nhà nước		Thời gian tính mua cổ phần với giá ưu đãi *(số tháng tính tròn)*	Tổng số tháng (9+14)	Tổng số năm *(tính tròn)*	
		Nam	Nữ			Số tháng	Số ngày	Số tháng	Số ngày		Số tháng	Số ngày	Số tháng	Số ngày				
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
I. NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA																		
…																		
II. NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA																		
…																		
III. NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CỬ LÀM ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC																		
…																		
IV. NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP CẤP II *(nếu có)*																		
…																		
V. NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP CẤP II *(nếu có)*																		
…																		

Tổng số người theo danh sách: …… người.

Ngày .... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Ghi tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Cột (9), (14): Ghi thời gian làm việc để mua cổ phần với giá ưu đãi theo số tháng tính tròn: tính đủ ngày làm việc bình thường trong tháng theo quy định của doanh nghiệp.

Mẫu số 04

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU
TÊN DOANH NGHIỆP

DANH SÁCH LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP
(Tại thời điểm (*))

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Số định danh cá nhân	Chức danh, công việc đang làm	Đơn vị *(phòng, ban, phân xưởng…)*	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Thời điểm tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp	Loại HĐLĐ	Tình trạng việc làm *01. Đang làm việc theo HĐLĐ* *02. Đang phải ngừng việc* *03. Đang nghỉ hưởng chế độ ốm đau, thai sản; tai nạn lao động; bệnh nghề nghiệp* *04. Đang nghỉ không hưởng lương* *05. Đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ*	Thời điểm bắt đầu ngừng việc, nghỉ việc, tạm hoãn thực hiện HĐLĐ	Ghi chú
		Nam	Nữ									
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I. NGƯỜI LAO ĐỘNG												
1.												
2.												
II. NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CỬ LÀM ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC												
3.												
…												

Tổng số người theo danh sách: …… người.

....., ngày .... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Ghi thời điểm chốt danh sách lao động theo hình thức cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại Phụ lục I Thông tư này.
- Cột A: Đánh số thứ tự liên tục để sử dụng cho các Mẫu sau.
- Mục I. Người lao động: bao gồm toàn bộ người lao động làm việc theo hợp đồng lao động đang có tình trạng việc làm tại cột (9).
- Mục II. Người lao động của doanh nghiệp được cử làm đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác.
- Cột (6): Ghi trình độ đào tạo cao nhất (sau đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp).
- Cột (8): Hợp đồng lao động không xác định thời hạn ghi ký hiệu (A); hợp đồng lao động xác định thời hạn ghi ký hiệu (B); tuyển dụng theo chế độ biên chế nhà nước nhưng chưa chuyển sang ký hợp đồng lao động ghi ký hiệu (C); không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động ghi ký hiệu (D). Đối với người lao động của doanh nghiệp được cử xuống làm đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác thì ghi loại hợp đồng lao động đang tạm hoãn.
- Cột (10): Ghi ngày, tháng, năm người lao động bắt đầu ngừng việc, nghỉ việc, tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động.
- Cột (11): Ghi lý do ngừng việc, nghỉ việc, tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động.

Mẫu số 05

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU
TÊN DOANH NGHIỆP

DANH SÁCH LAO ĐỘNG ĐƯỢC TIẾP TỤC SỬ DỤNG
(Tại thời điểm (*))

TT	Họ và tên	Số thứ tự ở Mẫu số 04	Ngày, tháng, năm sinh		Số định danh cá nhân	Chức danh, công việc đang làm	Đơn vị *(phòng, ban, phân xưởng…)*	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Dự kiến chức danh, công việc tại doanh nghiệp (**)	Ghi chú
			Nam	Nữ						
I. LAO ĐỘNG ĐƯỢC TIẾP TỤC SỬ DỤNG										
1.										
2.										
…										
II. LAO ĐỘNG ĐƯỢC ĐÀO TẠO LẠI ĐỂ TIẾP TỤC SỬ DỤNG										
1.										
2.										
…										
III. LAO ĐỘNG ĐƯỢC CHUYỂN SANG LÀM VIỆC KHÔNG TRỌN THỜI GIAN										
1.										
2.										
…										

Tổng số người theo danh sách: …… người.

....., ngày .... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Ghi thời điểm chốt danh sách lao động theo hình thức cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại Phụ lục I Thông tư này.
- (**) Ghi hình thức sau khi cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
- Danh sách bao gồm người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, người lao động của doanh nghiệp được cử làm đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác.

Mẫu số 06

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU
TÊN DOANH NGHIỆP

DANH SÁCH LAO ĐỘNG NGHỈ HƯU
(Tại thời điểm (*))

TT	Họ và tên	Số thứ tự ở Mẫu số 04	Ngày, tháng, năm sinh		Số định danh cá nhân	Chức danh, công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Đơn vị *(phòng, ban, phân xưởng…)*	Thời điểm dự kiến nghỉ hưu	Ghi chú
			Nam	Nữ						
I. NGƯỜI LAO ĐỘNG										
1.										
2.										
…										
II. NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CỬ LÀM ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC										
1.										
2.										
...										

Tổng số người theo danh sách: …… người.

Ngày …. tháng … năm …

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Ghi thời điểm chốt danh sách lao động theo hình thức cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

Mẫu số 07

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU
TÊN DOANH NGHIỆP

DANH SÁCH LAO ĐỘNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
(Tại thời điểm (*))

TT	Họ và tên	Số thứ tự ở Mẫu số 04	Ngày, tháng, năm sinh		Số định danh cá nhân	Chức danh, công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Đơn vị *(phòng, ban, phân xưởng…)*	Thời điểm dự kiến chấm dứt HĐLĐ	Lý do chấm dứt HĐLĐ
			Nam	Nữ						
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I. NGƯỜI LAO ĐỘNG										
1.										
2.										
…										
II. NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CỬ LÀM ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC										
1.										
2.										
...										

Tổng số người theo danh sách: …… người.

Ngày .... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Ghi thời điểm chốt danh sách lao động theo hình thức cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại Phụ lục I Thông tư này.
- Cột (9): Ghi lý do chấm dứt hợp đồng lao động theo các khoản tại Điều 34 Bộ luật Lao động (ví dụ: hết hạn hợp đồng lao động ghi là 1; hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động ghi là 2, v.v.).

Mẫu số 08

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU
TÊN DOANH NGHIỆP

DANH SÁCH LAO ĐỘNG DÔI DƯ
(Tại thời điểm (*))

TT	Họ và tên	Số thứ tự ở Mẫu số 04	Ngày, tháng, năm sinh		Số định danh cá nhân	Chức danh, công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Đơn vị *(phòng, ban, phân xưởng...)*	Thời điểm tuyển dụng lần cuối vào doanh nghiệp	Ghi chú
			Nam	Nữ						
1.										
2.										
…										

Tổng số người theo danh sách: ……. người.

Ngày .... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Ghi thời điểm chốt danh sách lao động theo hình thức cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

Mẫu số 09

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU
TÊN DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG KHI THỰC HIỆN (*)
(Tính đến ngày ..... tháng ..... năm .....)

Kính gửi: (Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu)

Thực hiện quy định tại Thông tư số……/2026/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách lao động khi cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, (Tên doanh nghiệp) báo cáo kết quả giải quyết chính sách đối với người lao động như sau:

STT	**Loại lao động**	**Chế độ, chính sách của người lao động** *(Theo phương án sử dụng lao động được phê duyệt)*		**Kết quả giải quyết chế độ, chính sách**	
		Số lao động	**Kinh phí** *(ngàn đồng)*	**Số lao động**	**Kinh phí** *(ngàn đồng)*
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Lao động tiếp tục được sử dụng *Trong đó lao động nữ: ... người*				
2	Lao động được đào tạo lại để tiếp tục sử dụng *Trong đó lao động nữ: ... người*				
3	Lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian *Trong đó lao động nữ: ... người*				
4	Lao động nghỉ hưu *Trong đó lao động nữ: ... người*				
5	Lao động chấm dứt hợp đồng lao động *Trong đó lao động nữ: ... người*				
6	Lao động dôi dư *Trong đó lao động nữ: ... người*				
Tổng					

Ngày .... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Ghi hình thức cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp (cổ phần hóa; chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; hợp nhất; sáp nhập; chia; tách; giải thể).

Mẫu số 10

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG KHI CƠ CẤU LẠI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
(Báo cáo định kỳ 06 tháng năm ... hoặc năm ...)

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện quy định tại Thông tư số……/2026/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách lao động khi cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, (Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu) báo cáo tình hình thực hiện chính sách lao động của các doanh nghiệp như sau:

STT	Tên doanh nghiệp	Hình thức cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Kết quả giải quyết chế độ, chính sách đối với người lao động																	
			Lao động tiếp tục được sử dụng			Lao động được đào tạo lại để tiếp tục sử dụng			Lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian			Lao động nghỉ hưu			Lao động chấm dứt HĐLĐ			Lao động dôi dư		
			Tổng	Lao động nữ	Kinh phí (*ngàn đồng*)	Tổng	Lao động nữ	Kinh phí (*ngàn đồng*)	Tổng	Lao động nữ	Kinh phí (*ngàn đồng*)	Tổng	Lao động nữ	Kinh phí (*ngàn đồng*)	Tổng	Lao động nữ	Kinh phí (*ngàn đồng*)	Tổng	Lao động nữ	Kinh phí (*ngàn đồng*)
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Doanh nghiệp A																			
2	Doanh nghiệp B																			
…																				
Tổng																				

Ngày .... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Cột (C): Ghi hình thức cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp (cổ phần hóa; chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; hợp nhất; sáp nhập; chia; tách; giải thể).